



Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số	3703000188 4200636590	ngày 2 tháng 3 năm 2006 ngày 2 tháng 11 năm 2009
--	--------------------------	---

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 17 tháng 1 năm 2014. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Hội đồng Quản trị	Bà Nguyễn Thị Hoa Ông Nguyễn Thanh Ngữ Ông Trầm Kim Dũng Ông Phan Vũ Hùng Ông Nguyễn Hoài Nam Bà Phạm Thị Hồng Hoa	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên (từ ngày 2 tháng 4 năm 2013) Thành viên (từ ngày 2 tháng 4 năm 2013 đến ngày 5 tháng 12 năm 2013) Thành viên (đến ngày 2 tháng 4 năm 2013)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Trầm Kim Dũng Ông Vũ Thành Châu Ông Nguyễn Thanh Ngữ Ông Lê An Khang	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 2 tháng 1 năm 2013) Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 2 tháng 1 năm 2013 đến ngày 20 tháng 3 năm 2014) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 1 năm 2013)
Ban Kiểm soát	Ông Phạm Cao Sơn Ông Lưu Mạnh Thức Ông Bùi Tấn Khải Bà Nguyễn Hồng Nữ	Trưởng ban Kiểm soát Thành viên Thành viên (từ ngày 2 tháng 4 năm 2013) Thành viên (đến ngày 2 tháng 4 năm 2013)
Trụ sở đăng ký	Thôn Phước Lâm Xã Ninh Xuân Thị xã Ninh Hòa Tỉnh Khánh Hòa Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 56 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa và các công ty con ("Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Trần Kim Dũng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Khánh Hòa, ngày 28 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2014, được trình bày từ trang 5 đến trang 56.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán số: 13-01-303



Chang Hung Chun

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 0863-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Lâm Thị Ngọc Hào

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 0866-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2014

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		945.709.617.559	292.929.235.043
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	322.520.290.803	39.921.238.387
Tiền	111		17.420.290.803	8.331.238.387
Các khoản tương đương tiền	112		305.100.000.000	31.590.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	162.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	8	347.908.948.312	187.226.260.114
Phải thu khách hàng	131		2.237.545.063	4.872.345.052
Trả trước cho người bán	132		331.375.516.865	179.455.993.576
Các khoản phải thu khác	135		15.718.810.720	3.224.119.815
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.422.924.336)	(326.198.329)
Hàng tồn kho	140	9	91.800.249.755	63.489.895.549
Tài sản ngắn hạn khác	150		21.480.128.689	2.291.840.993
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		548.215.556	154.715.025
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11.319.719.344	1.160.479.510
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	154		11.960.109	11.960.109
Tài sản ngắn hạn khác	158		9.600.233.680	964.686.349
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		915.998.157.385	620.489.913.192
Tài sản cố định	220		603.079.499.857	325.261.849.434
Tài sản cố định hữu hình	221	10	342.313.236.627	255.019.598.776
Nguyên giá	222		502.223.166.614	345.409.138.780
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(159.909.929.987)	(90.389.540.004)
Tài sản cố định vô hình	227	11	10.491.186.172	15.740.520.780
Nguyên giá	228		12.582.450.921	17.276.654.505
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.091.264.749)	(1.536.133.725)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	12	250.275.077.058	54.501.729.878
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	301.796.274.837	287.327.345.025
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		192.695.040.039	183.009.350.227
Đầu tư dài hạn khác	258		109.101.234.798	104.317.994.798

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản dài hạn khác	260		11.122.382.691	7.900.718.733
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	5.953.001.107	1.202.111.386
Tài sản dài hạn khác	268		130.500.000	68.500.000
Lợi thế thương mại	269	15	5.038.881.584	6.630.107.347
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.861.707.774.944	913.419.148.235
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		944.250.691.329	364.510.850.728
Nợ ngắn hạn	310		748.376.896.489	269.227.485.465
Vay ngắn hạn	311	16	625.340.131.807	176.756.587.087
Phải trả người bán	312	17	84.390.146.885	28.430.048.603
Người mua trả tiền trước	313	18	4.683.635.040	27.429.479.800
Thuế phải nộp Nhà nước	314	19	8.012.870.073	3.483.996.906
Phải trả người lao động	315		10.587.928.292	5.677.452.197
Chi phí phải trả	316	20	1.142.168.071	2.661.085.288
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	21	5.269.860.728	12.917.119.304
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	22	8.950.155.593	11.871.716.280
Vay và nợ dài hạn	330		195.873.794.840	95.283.365.263
Phải trả dài hạn khác	333		467.600.000	-
Vay và nợ dài hạn	334	23	189.896.537.795	92.053.686.436
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	24	5.509.657.045	3.229.678.827
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		887.531.847.895	544.608.688.124
Vốn chủ sở hữu	410	25	887.531.847.895	544.608.688.124
Vốn cổ phần	411	26	607.500.000.000	303.750.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		12.132.550.000	12.334.430.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		109.220.527.995	101.382.082.596
Quỹ dự phòng tài chính	418		15.599.345.134	11.680.122.435
Quỹ khác	419		(1.616.929.007)	(1.616.929.007)
Lợi nhuận chưa phân phối	420		144.696.353.773	117.078.982.100
LỢI ÍCH CỎ ĐÔNG THIỂU SÓ	439	27	29.925.235.720	4.299.609.383
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		1.861.707.774.944	913.419.148.235

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Ngoại tệ (Đô la Mỹ)	294.259.528	9.531.294

Người lập biểu



Ngô Thị Thu Trang

Kế toán trưởng



Võ Thị Thủy Tiên



Ngày 28 tháng 3 năm 2014

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
Tổng doanh thu	01	28	1.015.872.407.899	935.538.710.298
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	845.861.355	924.089.905
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		1.015.026.546.544	934.614.620.393
Giá vốn hàng bán	11	29	858.642.400.183	800.882.691.384
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		156.384.146.361	133.731.929.009
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	25.876.163.766	48.764.797.705
Chi phí tài chính	22	31	33.295.709.856	54.547.069.002
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>32.161.717.667</i>	<i>57.607.747.373</i>
Chi phí bán hàng	24		22.315.154.253	9.957.555.569
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		39.264.406.676	27.911.886.474
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		87.385.039.342	90.080.215.669
Thu nhập khác	31	32	45.463.588.642	7.578.858.471
Chi phí khác	32	33	36.113.416.066	3.970.411.881
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		9.350.172.576	3.608.446.590
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết, cân trừ với khoản phân bổ lợi thế thương mại	41	13	18.319.965.037	6.869.743.530
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)	50		115.055.176.955	100.558.405.789
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	21.357.784.387	16.115.590.436
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	34	2.279.978.218	3.229.678.827
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		91.417.414.350	81.213.136.526

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61		(18.607.398)	(391.373.375)
Chủ sở hữu của Công ty	62		91.436.021.748	81.604.509.901
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	2.876	7.108

Người lập biểu



Ngô Thị Thu Trang

Kế toán trưởng



Võ Thị Thùy Tiên



Lòng Giám đốc

Trần Kim Dũng

Ngày 28 tháng 3 năm 2014

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		115.055.176.955	100.558.405.789
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		38.024.963.564	32.837.336.301
Các khoản dự phòng	03		(44.812.727)	(12.818.735.255)
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết	05		(18.319.965.037)	(6.869.743.530)
Thu nhập lãi và cổ tức	05		(24.622.779.351)	(20.214.193.898)
Lợi nhuận từ thanh lý tài sản cố định	05		(5.358.563.485)	(100.139.125)
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại công ty con	05		(599.347.942)	-
Lợi nhuận từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	05		-	(19.509.523.152)
Chi phí lãi vay	06		32.161.717.667	57.607.747.373
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		136.296.389.644	131.491.154.503
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(46.566.869.225)	(41.283.971.839)
Biến động hàng tồn kho	10		5.008.830.816	(26.987.333.594)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		3.126.303.644	22.076.835.276
Biến động chi phí trả trước	12		(2.122.464.895)	3.275.589.856
			95.742.189.984	88.572.274.202
Tiền lãi vay đã trả	13		(33.646.956.238)	(56.097.548.311)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(17.826.343.821)	(32.458.417.679)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(11.218.564.706)	(8.714.523.569)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		33.050.325.219	(8.698.215.357)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(340.631.332.092)	(67.192.735.048)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		38.143.967.045	238.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác và tiền gửi có kỳ hạn	25		(193.668.235.284)	(246.409.217.573)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	148.662.804.400
Tiền chi mua công ty con, đã trừ đi số dư tiền của công ty con được mua	25	5	1.205.341.823	(12.968.782.038)
Tiền thu lãi và cổ tức	27		26.096.076.962	25.863.976.898
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(468.854.181.546)	(151.805.953.361)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		303.548.120.000	222.569.800.000
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		1.450.334.650.965	801.842.331.757
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(989.917.362.222)	(778.089.438.325)
Tiền chi trả cổ tức	36		(45.562.500.000)	(48.533.878.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		718.402.908.743	197.788.815.432
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		282.599.052.416	37.284.646.714
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		39.921.238.387	2.636.591.673
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	6	322.520.290.803	39.921.238.387

Người lập biểu


 Ngô Thị Thu Trang

Kế toán trưởng


 Võ Thị Thùy Tiên



Tổng Giám đốc


 Trầm Kim Dũng

Ngày 28 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (“Nhà máy Đường Ninh Hòa – Công ty Đường Khánh Hòa”) theo Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2005 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa cấp. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh đường từ mía và các sản phẩm phụ; sản xuất và kinh doanh mua bán điện; thi công xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; mua bán các vật tư nông nghiệp và kinh doanh bất động sản; sản xuất và kinh doanh phân bón; và kinh doanh dịch vụ kho bãi.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 125/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Chi tiết các công ty trong Tập đoàn như sau:

Công ty	Các hoạt động chính	Giấy phép hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	
			31/12/2013	31/12/2012
<i>Các công ty con của Công ty</i>				
Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung (“Bò giống Miền Trung”)	Chăn nuôi bò; trồng mía và các loại cây công nghiệp khác; kinh doanh thức ăn cho gia súc, bò nuôi và các sản phẩm chăn nuôi khác; gia công gỗ và các hoạt động lâm nghiệp; trồng rừng; kinh doanh bất động sản, khách sạn và các hoạt động du lịch.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3703000180 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 21 tháng 12 năm 2005.	62,92%	59,04%
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa (“Nhiệt Điện Ninh Hòa”)	Sản xuất điện để bán; cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống điện; bán máy móc, thiết bị và linh kiện cho sản xuất công nghiệp, thương mại, đào mỏ, xây dựng, thiết bị văn phòng; kiến trúc các công trình công nghiệp và dân dụng; cung cấp nguồn nhân lực tạm thời cho hoạt động hệ thống điện và các dịch vụ xây dựng khác.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4201575358 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 9 tháng 10 năm 2013.	100%	-

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

Công ty	Các hoạt động chính	Giấy phép hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	
			31/12/2013	31/12/2012
Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang (“Đường Phan Rang”)	Sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía; sản xuất và kinh doanh nước giải khát; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thực ăn gia súc và các sản phẩm nông sản khác; sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ; cung cấp các dịch vụ gia công và sửa chữa; kinh doanh các sản phẩm dầu và khí; và cung cấp các dịch vụ gửi hàng.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4303000027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 26 tháng 12 năm 2005.	51,68%	41,9%
<i>Các công ty liên kết của Công ty</i>				
Công ty Cổ phần Mía Đường 333 (“Đường 333”)	Sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía, sản xuất hạt điều xuất khẩu, sản xuất và kinh doanh nước uống, nước giải khát; sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ; kinh doanh các sản phẩm dầu và khí; và kinh doanh các loại nông sản.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4003000094 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28 tháng 6 năm 2006.	42,1%	42,1%
Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai (“SEC”)	Sản xuất đường và các sản phẩm phụ làm từ mía để bán; trồng cây mía; sản xuất và phân phối điện; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chế biến hàng nông sản; sản xuất và kinh doanh phân bón và đầu tư tài chính.	Giấy phép Đầu tư số 1950/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 18 tháng 7 năm 1997.	22,98%	22,98%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn có 829 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 365 nhân viên).

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(iv) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Các khoản lãi đầu tư nhận được từ các khoản lợi nhuận phát sinh trước ngày Tập đoàn mua khoản đầu tư đó được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Trả trước cho nông dân trồng mía

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán có khoản trả trước cho nông dân để trồng mía được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản trả trước quá hạn. Dự phòng cho các khoản trả trước quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	6 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
▪ gia súc	12 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất thuê có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê đất từ 6 đến 28 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại các công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm. Khi ghi nhận các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư.

(m) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng chi phí bảo trì

Dự phòng chi phí bảo trì liên quan đến các công việc bảo trì trong giai đoạn không sản xuất theo mùa vụ. Các khoản dự phòng được ước tính dựa trên kinh nghiệm, các sự kiện và đánh giá hợp lý của Ban Tổng Giám đốc. Các thông tin và sự kiện được dùng để ước tính các khoản dự phòng có thể thay đổi trong các năm tiếp theo và do đó kết quả xảy ra có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với các đánh giá đã được trình bày trong báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(o) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích cung cấp các thông tin thuyết minh về mức trọng yếu của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm bán lại hoặc mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có năm đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa là các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các tài sản tài chính mà Tập đoàn có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm bán lại hoặc mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(p) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối hàng năm dựa trên quyết định của các cổ đông. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(r) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

(s) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm.

(t) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Điện

Doanh thu được ghi nhận dựa trên khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận tương ứng theo tỷ lệ thời gian trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

(u) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(v) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(w) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

(x) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông, các công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và các công ty liên kết của các công ty này.

4. Báo cáo bộ phận

Tập đoàn chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất, là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

5. Hợp nhất kinh doanh

Trong năm, Công ty mua thêm 305,988 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang (“Đường Phan Rang”) và tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Đường Phan Rang lên 51,68%. Công ty bắt đầu kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của Đường Phan Rang. Theo đó, Đường Phan Rang đã trở thành một công ty con của Công ty.

	Tỷ lệ sở hữu	Giá mua VND
Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang	51,68%	27.388.331.869

Việc mua lại này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.031.065.723
Các khoản phải thu ngắn hạn	42.029.749.985
Hàng tồn kho	33.319.185.022
Tài sản ngắn hạn khác	701.027.365
Tài sản cố định hữu hình – thuần (Thuyết minh 10)	91.082.459.847
Xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	48.889.868
Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 14)	533.571.806
Tài sản dài hạn khác	22.000.000
Nợ ngắn hạn	(76.727.229.594)
Vay và nợ dài hạn	(39.862.921.136)
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	54.177.798.886
Tài sản thuần đã mua	27.987.679.811
Khoản thanh toán cho việc mua lại	(1.825.723.900)
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại công ty liên kết tại ngày mua	(25.562.607.969)
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại phần chênh lệch giữa tài sản thuần đã mua và khoản thanh toán cho việc mua lại	599.347.942
Các ảnh hưởng đến luồng tiền bao gồm:	
Khoản tiền thu được	3.031.065.723
Khoản thanh toán cho việc mua lại	(1.825.723.900)
Khoản tiền thu được thuần	1.205.341.823

Việc mua lại không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn do ngày mua lại có hiệu lực là ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	342.200.979	195.722.271
Tiền gửi ngân hàng	17.078.089.824	8.135.516.116
Các khoản tương đương tiền	305.100.000.000	31.590.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	322.520.290.803	39.921.238.387

Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm 3 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: không) đã được dùng để thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm 200 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: không) đã được dùng để thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

7. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm khoản 50 tỷ VND cho Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Thuận Thiên vay với thời gian đáo hạn là một tháng, khoản 92 tỷ VND cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công vay với thời gian đáo hạn là 3 tháng và các khoản tiền gửi có kỳ hạn 20 tỷ VND tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn hơn ba tháng kể từ ngày gửi tiền. Các khoản cho vay và tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam và nhận lãi suất năm trong khoảng từ 7% đến 10% trong năm.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm 20 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: không) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

8. Các khoản phải thu ngắn hạn

Bao gồm trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu từ các công ty liên quan khác		
Phi thương mại	4.731.471.645	284.817.014

Khoản phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải thu theo thỏa thuận giữa các bên.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Khoản trả trước cho người bán bao gồm khoản trả trước cho nông dân trồng mía với giá trị là 206.068 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 177.889 triệu VND). Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía không được đảm bảo, ngoại trừ các khoản trả trước của Công ty với giá trị lớn hơn 300 triệu VND được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của nông dân. Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía nhận lãi suất năm từ 10,8% đến 15% trong năm. Trong trường hợp nông dân hoàn thành một số điều kiện theo hợp đồng, Công ty sẽ hỗ trợ một phần lãi suất cho nông dân tương ứng với 30% số tiền lãi phải trả. Các khoản trả trước này được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Tập đoàn.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn đã cần trừ tổng cộng 358.809 triệu VND trả trước cho nông dân trồng mía với mía nguyên liệu mua từ nông dân (2012: 361.985 triệu VND).

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Đặt cọc theo thỏa thuận chuyển nhượng cổ phiếu Công ty		
Cổ phần Mía Đường Phan Rang (*)	-	1.550.000.000
Cổ tức phải thu từ Công ty Cổ phần Mía Đường 333	4.210.777.200	-
Phải thu từ Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu (**)	5.679.720.000	-
Lãi từ tiền gửi ngân hàng	3.206.007.944	-
Lãi từ khoản cho các doanh nghiệp khác vay	520.694.445	-
Phải thu khác	2.101.611.131	1.674.119.815
	<hr/>	<hr/>
	15.718.810.720	3.224.119.815

(*) Theo thỏa thuận chuyển nhượng cổ phiếu ngày 15 tháng 5 năm 2012, Tập đoàn đồng ý mua 100.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang (“Đường Phan Rang”), công ty con, từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (“Sacombank”), với giá mua bằng tiền là 1,5 tỷ VND. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện khoản đặt cọc 100% tiền mua cổ phiếu trả trước cho Sacombank. Tập đoàn đã nhận được số cổ đông trong năm 2013 và tất toán khoản đặt cọc này.

(**) Theo hợp đồng thuê tài chính số 05.04.13/HDTC-ĐNH ký với Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu ngày 22 tháng 4 năm 2013, Tập đoàn thuê một bộ máy phát điện bằng tua bin với công suất 30.000 kW với giá trị là 2.734.000 USD. Khoản phải thu này thể hiện thuế giá trị gia tăng liên quan đến máy phát điện mà Tập đoàn trả thay cho Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, khoản phải thu của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 3 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, khoản trả trước cho người bán của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 204.720 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

9. Hàng tồn kho

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Hàng mua đang đi đường	-	517.300.000
Nguyên vật liệu	16.843.908.831	6.947.116.140
Công cụ và dụng cụ	347.541.791	5.123.119.917
Sản phẩm dở dang	11.977.709.655	4.946.556.031
Thành phẩm	62.127.601.440	45.382.513.246
Hàng hóa	503.488.038	573.290.215
	<hr/>	<hr/>
	91.800.249.755	63.489.895.549

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 32.177 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 45.383 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Súc vật VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	73.246.117.601	258.116.107.516	12.289.304.642	1.270.321.639	487.287.382	345.409.138.780
Tăng do mua lại công ty con (Thuyết minh 5)	14.956.140.482	103.787.678.399	12.646.681.178	1.605.302.174	-	132.995.802.233
Tăng trong năm	720.978.364	4.833.759.346	-	1.435.197.381	-	6.989.935.091
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.026.742.167	53.104.464.101	-	-	-	55.131.206.268
Thanh lý	(30.521.015.800)	(1.426.516.330)	-	-	(24.540.000)	(31.972.072.130)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn (*)	(174.127.852)	(1.134.291.322)	-	(132.207.544)	-	(1.440.626.718)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(999.033.551)	(2.856.546.605)	-	(571.889.372)	(462.747.382)	(4.890.216.910)
Phân loại lại	(262.583.161)	262.583.161	-	-	-	-
Số dư cuối năm	58.993.218.250	414.687.238.266	24.935.985.820	3.606.724.278	-	502.223.166.614
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	15.683.115.524	71.816.013.532	2.164.476.301	500.196.911	225.737.736	90.389.540.004
Khấu hao trong năm	4.228.640.262	30.618.343.900	6.246.406.652	819.951.572	-	41.913.342.386
Tăng do mua lại công ty con (Thuyết minh 5)	3.654.330.277	30.675.433.523	1.228.930.464	291.495.451	16.290.422	35.866.480.137
Thanh lý	(3.255.575.009)	(575.030.140)	-	-	(13.887.071)	(3.844.492.220)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn (*)	(125.045.407)	(908.533.945)	-	(100.687.618)	-	(1.134.266.970)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(586.812.416)	(2.105.634.571)	-	(360.085.276)	(228.141.087)	(3.280.673.350)
Phân loại lại	(26.258.315)	26.258.315	-	-	-	-
Số dư cuối năm	19.572.394.916	129.546.850.614	9.639.813.417	1.150.871.040	-	159.909.929.987
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	57.563.002.077	186.300.093.984	10.124.828.341	770.124.728	261.549.646	255.019.598.776
Số dư cuối năm	39.420.823.334	285.140.387.652	15.296.172.403	2.455.853.238	-	342.313.236.627

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN**

Giá trị của tài sản cố định hữu hình của Công ty mua trước ngày 10 tháng 2 năm 2006 được ghi nhận dựa theo giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày cổ phần hóa, theo định giá của Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán và được phê duyệt bởi Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa.

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có các tài sản có nguyên giá 25.554 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.821 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 309.729 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 159.520 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

(*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 của Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu đồng trở lên. Những tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 14) và Chi phí trả trước ngắn hạn.

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	16.737.574.571	539.079.934	17.276.654.505
Thanh lý	(4.657.823.650)	-	(4.657.823.650)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	-	(36.379.934)	(36.379.934)
Số dư cuối năm	12.079.750.921	502.700.000	12.582.450.921
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.382.292.070	153.841.655	1.536.133.725
Khấu hao trong năm	457.622.688	109.634.976	567.257.664
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	-	(12.126.640)	(12.126.640)
Số dư cuối năm	1.839.914.758	251.349.991	2.091.264.749
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	15.355.282.501	385.238.279	15.740.520.780
Số dư cuối năm	10.239.836.163	251.350.009	10.491.186.172

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có các tài sản với nguyên giá 577 triệu VND đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 577 triệu đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 7.843 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 4.657 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

(*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 14).

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	54.501.729.878	64.090.641.512
Tăng do mua lại công ty con (Thuyết minh 5)	48.889.868	-
Tăng trong năm	251.403.860.529	59.027.781.944
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(55.131.206.268)	(68.616.693.578)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(548.196.949)	-
Số dư cuối năm	<u>250.275.077.058</u>	<u>54.501.729.878</u>

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang tương đương 964 triệu VND (2012: 467 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 6,2 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN**

Biến động của các khoản đầu tư vào các công ty liên kết trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	183.009.350.227	74.725.141.519
Các khoản đầu tư mới trong năm	26.339.109.944	107.064.248.178
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết	21.997.767.336	6.869.743.530
Chuyển sang đầu tư vào công ty con	(25.562.607.969)	-
Phân bổ lợi thế thương mại	(3.677.802.299)	-
Cổ tức đã nhận	(9.410.777.200)	(5.649.783.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	192.695.040.039	183.009.350.227

Biến động của các khoản đầu tư dài hạn khác trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	104.317.994.798	89.508.536.651
Các khoản đầu tư mới trong năm	4.783.240.000	143.962.739.395
Thanh lý các khoản đầu tư trong năm	-	(129.153.281.248)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	109.101.234.798	104.317.994.798

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần điện Gia Lai với giá trị là 70 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 84 tỷ VND), Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai với giá trị là 35 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 44 tỷ VND), Công ty Cổ phần Mía Đường 333 với giá trị là 39 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: không) và Công ty Cổ phần Đường Phan Rang với giá trị là 21 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

14. Chi phí trả trước dài hạn

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	1.202.111.386	1.285.204.874
Tăng do mua lại công ty con (Thuyết minh 5)	533.571.806	33.650.000
Tăng trong năm	2.749.915.242	1.001.808.064
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình – thuần	1.609.543.560	-
Chuyển từ tài sản cố định vô hình – thuần	24.253.294	-
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	548.196.949	-
Chuyển từ trả trước ngắn hạn	156.726.673	-
Phân bổ trong năm	(871.317.803)	(1.118.551.552)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	5.953.001.107	1.202.111.386
	<hr/>	<hr/>

15. Lợi thế thương mại

	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	7.956.128.816
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.326.021.469
Khấu hao trong năm	1.591.225.763
	<hr/>
Số dư cuối năm	2.917.247.232
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	6.630.107.347
Số dư cuối năm	5.038.881.584
	<hr/>

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****16. Vay ngắn hạn**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay ngắn hạn	592.501.066.511	146.845.422.227
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 24)	32.839.065.296	29.911.164.860
	625.340.131.807	176.756.587.087

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Tiền tệ	Lãi suất	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam (a)	VND	6,8% - 8,3%	45.000.000.000	79.696.370.994
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (b)	VND	6,8% - 8,5%	11.950.000.000	-
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam (c)	VND	6,8% - 7,6%	14.000.000.000	55.671.353.560
Ngân hàng TMCP Phương Đông (d)	VND	8,5%	50.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quân đội (e)	VND	7% - 8,8%	18.195.123.278	11.477.697.673
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (f)	VND	6,75%	133.234.657.033	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (g)	VND	5,5%	30.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Chinatrust (h)	VND	7,8% - 7,85%	21.000.000.000	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (i)	VND	7,3%	235.000.000.000	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận (j)	VND	7,5% - 9%	34.121.286.200	-
			592.501.066.511	146.845.422.227

- (a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3.250.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, một cổ đông, với giá trị đảm bảo tối thiểu là 3.250.000 Đô la Mỹ.
- (b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, một cổ đông.
- (c) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 2.500.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị là 10 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 45 tỷ VND).

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

- (d) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 50 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản trả trước cho nông dân trồng mía với giá trị ghi sổ là 167.783 triệu VND.
- (e) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai với giá trị ghi sổ là 35 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 44 tỷ VND).
- (f) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 150 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận chuyển với giá trị còn lại là 8.743 triệu VND. Khoản vay này cũng được đảm bảo bằng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai với giá trị ghi sổ là 70 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 84 tỷ VND).
- (g) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 200 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội là 40 tỷ VND.
- (h) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 1.500.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng thành phẩm với giá trị ghi sổ là 22 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: không).
- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 235 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang với giá trị ghi sổ là 21 tỷ VND và Công ty Cổ phần Mía Đường 333 với giá trị ghi sổ là 39 tỷ VND. Khoản vay này cũng được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam là 180 tỷ VND.
- (j) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 52 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị còn lại của nhà cửa và thiết bị với giá trị còn lại là 2 tỷ VND, tiền gửi ngân hàng là 3 tỷ VND, các khoản trả trước cho nông dân trồng mía với giá trị ghi sổ là 37 tỷ VND và các khoản phải thu với giá trị ghi sổ là 3 tỷ VND.

17. Phải trả người bán

Bao gồm trong các khoản phải trả người bán có các khoản phải trả cho các bên liên quan như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải trả các công ty liên quan khác	125.008.700	329.886.865

Khoản phải trả thương mại cho các công ty liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

18. Người mua trả tiền trước

Bao gồm trong các khoản người mua trả tiền trước có các khoản trả trước từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trả trước từ các cổ đông để mua đường	-	26.728.932.000

19. Thuế phải nộp Nhà nước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	4.816.979	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.869.383.491	2.783.010.002
Thuế thu nhập cá nhân	667.304.223	635.896.912
Các loại thuế khác	471.365.380	65.089.992
	8.012.870.073	3.483.996.906

20. Chi phí phải trả

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí lãi của khoản người mua trả tiền trước	-	1.640.837.280
Chi phí lãi vay	852.598.133	696.999.424
Phí tư vấn	230.000.000	55.000.000
Chi phí khác	59.569.938	268.248.584
	1.142.168.071	2.661.085.288

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

21. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Khoản ứng trước từ Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa (*)	-	8.000.000.000
Cổ tức phải trả	2.847.996.800	2.847.996.800
Tiền đặt cọc đã nhận	899.800.000	1.189.600.000
Phải trả khác	1.522.063.928	879.522.504
	<hr/> 5.269.860.728	<hr/> 12.917.119.304

(*) Tập đoàn nhận ứng trước từ Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa theo chính sách bình ổn giá thị trường trong dịp Tết Nguyên đán năm 2013. Khoản ứng trước này không chịu lãi và phải hoàn trả trong khoảng thời gian 3 tháng, tính từ ngày nhận khoản ứng trước. Tập đoàn đã hoàn trả khoản ứng trước này trong năm

22. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	11.871.716.280	9.011.273.406
Tăng do mua lại công ty con	1.798.522.042	53.363.596
Trích lập từ lợi nhuận giữ lại trong năm	9.855.425.156	11.415.386.359
Tăng khác	28.400.000	-
Hoàn nhập trong năm	(3.356.943.179)	(617.492)
Sử dụng trong năm	(11.246.964.706)	(8.607.689.589)
	<hr/> 8.950.155.593	<hr/> 11.871.716.280

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

23. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay dài hạn	173.967.212.796	121.964.851.296
Nợ thuê tài chính	48.768.390.295	-
	<hr/> 222.735.603.091	<hr/> 121.964.851.296
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 16)	(32.839.065.296)	(29.911.164.860)
	<hr/> 189.896.537.795	<hr/> 92.053.686.436

Điều kiện và điều khoản của các khoản vay và nợ dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Tiền tệ	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín					
Khoản vay 1	VND	14%	2017	-	28.466.398.596
Khoản vay 2	VND	12%	2020	-	35.000.000.000
Khoản vay 3	VND	14% - 16%	2015	-	58.498.452.700
Vay từ Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam					
Khoản vay 1 (a)	VND	9%	2018	34.960.000.000	-
Khoản vay 2 (a)	VND	10%	2018	87.119.391.660	-
Khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam					
Khoản vay 1 (b)	VND	11,5%	2017	18.907.496.136	-
Khoản vay 2 (b)	VND	11,5%	2018	26.162.500.000	-
Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam					
Khoản vay 1 (c)	VND	11,1%	2018	6.817.825.000	-
Nợ phải trả từ Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu					
Khoản vay 1 (d)	VND	11,4% - 12%	2020	48.768.390.295	-
				<hr/> 222.735.603.091	<hr/> 121.964.851.296

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN**

- (a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 12.000.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất (lô số 01) tại tỉnh Ninh Hòa với giá trị còn lại là 7.843 tỷ VND và công trình trên đất với giá trị còn lại là 5.909 triệu VND. Khoản vay này cũng được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị với giá trị còn lại là 216 tỷ VND.
- (b) Khoản nợ này có hạn mức tối đa là 52.804 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị với giá trị còn lại là 81.040 tỷ VND.
- (c) Khoản nợ này có hạn mức tối đa là 10 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận chuyển với giá trị còn lại là 1,8 tỷ VND và tài sản hình thành từ vốn vay của dự án đầu tư hoàn thiện và ổn định công suất ép 1.400 tấn mía cây/ngày với giá trị là 6,2 tỷ VND.
- (d) Khoản nợ này có hạn mức tối đa là 2.734.000 Đô la Mỹ. Tài sản mua lại thông qua hợp đồng thuê tài chính đang được ghi nhận vào chi phí trả trước cho người bán với giá trị ghi sổ là 51.871 triệu VND.

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2013		
	Tổng khoản thanh toán VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	11.470.969.391	5.093.564.506	6.377.404.885
Trong vòng hai đến năm năm	43.461.501.596	13.450.184.492	30.011.317.104
Sau năm năm	13.897.390.631	1.517.722.325	12.379.668.306
	68.829.861.618	20.061.471.323	48.768.390.295

24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	5.509.657.045	3.229.678.827

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	81.000.000.000	12.514.630.000	(39.255.176)	94.141.270.299	8.100.000.000	(1.616.929.007)	108.384.274.953	302.483.991.069
Phát hành cổ phiếu	222.750.000.000	(180.200.000)	-	-	-	-	-	222.569.800.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	81.604.509.901	81.604.509.901
Hoàn nhập các quỹ	-	-	-	(3.646.852.472)	-	-	3.646.852.472	-
Hoàn nhập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	617.492	617.492
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	10.887.664.769	3.629.221.590	-	(14.516.886.359)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(11.415.386.359)	(11.415.386.359)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(50.625.000.000)	(50.625.000.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(49.099.155)	-	-	(49.099.155)
Chuyển sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	39.255.176	-	-	-	-	39.255.176
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	303.750.000.000	12.334.430.000	-	101.382.082.596	11.680.122.435	(1.616.929.007)	117.078.982.100	544.608.688.124

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	303.750.000.000	12.334.430.000	-	101.382.082.596	11.680.122.435	(1.616.929.007)	117.078.982.100	544.608.688.124
Phát hành cổ phiếu	303.750.000.000	(201.880.000)	-	-	-	-	-	303.548.120.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	91.436.021.748	91.436.021.748
Hoàn nhập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	3.356.943.179	3.356.943.179
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	7.838.445.399	3.919.222.699	-	(11.757.668.098)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(9.855.425.156)	(9.855.425.156)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(45.562.500.000)	(45.562.500.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	607.500.000.000	12.132.550.000	-	109.220.527.995	15.599.345.134	(1.616.929.007)	144.696.353.773	887.531.847.895

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	60.750.000	607.500.000.000	30.375.000	303.750.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	60.750.000	607.500.000.000	30.375.000	303.750.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần trong năm như sau:

	2013		2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	30.375.000	316.084.430.000	8.100.000	93.514.630.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	30.375.000	303.548.120.000	22.275.000	222.569.800.000
Số dư cuối năm	60.750.000	619.632.550.000	30.375.000	316.084.430.000

27. Lợi ích cổ đông thiểu số

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Số dư đầu năm	4.299.609.383	-
Mua lại công ty con	26.190.119.075	4.702.982.758
Lỗ thuần trong năm	(18.607.398)	(391.373.375)
Ảnh hưởng của việc suy giảm lợi ích cổ đông thiểu số	(545.885.340)	(12.000.000)
Số dư cuối năm	29.925.235.720	4.299.609.383

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****28. Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2013 VND	2012 VND
Tổng doanh thu		
▪ Đường	853.692.987.824	783.370.032.898
▪ Mật	39.692.044.461	35.638.815.009
▪ Mía giống	3.613.355.000	5.436.042.800
▪ Điện	2.403.826.360	4.764.236.022
▪ Bùn, tro, bã	9.207.336.989	4.952.237.709
▪ Phân bón	97.113.316.843	93.481.999.778
▪ Thuốc trừ sâu	6.191.299.272	5.173.816.669
▪ Khác	3.958.241.150	2.721.529.413
	<hr/>	<hr/>
	1.015.872.407.899	935.538.710.298
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(845.861.355)	(924.089.905)
	<hr/>	<hr/>
	(845.861.355)	(924.089.905)
Doanh thu thuần	<hr/>	<hr/>
	1.015.026.546.544	934.614.620.393

29. Giá vốn hàng bán

	2013 VND	2012 VND
Giá vốn hàng bán		
▪ Đường	700.158.945.273	654.705.863.089
▪ Mật	43.164.106.516	35.638.815.009
▪ Mía giống	4.258.416.500	5.516.705.000
▪ Điện	2.403.826.360	4.764.236.022
▪ Bùn, tro, bã	7.159.819.516	3.659.684.475
▪ Phân bón	93.053.039.985	89.727.026.778
▪ Thuốc trừ sâu	5.739.988.518	4.756.534.925
▪ Khác	2.704.257.515	2.113.826.086
	<hr/>	<hr/>
	858.642.400.183	800.882.691.384

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	2013 VND	2012 VND
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	28.409.533.152
Lãi từ khoản trả trước cho nông dân để trồng mía	11.469.184.865	12.991.366.796
Thu nhập cổ tức	7.346.156.197	5.154.282.000
Lãi từ tiền đặt cọc theo thỏa thuận mua cổ phiếu	-	1.038.201.600
Lãi từ tiền gửi ngân hàng	3.462.873.999	1.030.343.502
Lãi từ khoản cho các doanh nghiệp khác vay	943.888.889	-
Lãi do thanh toán chậm	1.400.675.401	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.253.384.415	141.070.655
	<hr/>	<hr/>
	25.876.163.766	48.764.797.705

31. Chi phí tài chính

	2013 VND	2012 VND
Chi phí lãi vay	32.161.717.667	57.607.747.373
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	8.900.010.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(12.674.525.848)
Chi phí tài chính khác	1.133.992.189	713.837.477
	<hr/>	<hr/>
	33.295.709.856	54.547.069.002

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

32. Thu nhập khác

	2013	2012
	VND	VND
Thu nhập từ cho thuê nhà	1.065.000.000	4.260.000.000
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	38.143.967.045	238.000.000
Tiền thu từ thanh lý vật tư, phế liệu	1.904.601.740	601.665.024
Tiền thu từ bán mía giống	599.416.638	962.272.324
Tiền bồi thường nhận được từ các đơn vị khác	1.775.000.000	-
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc	-	303.639.315
Thu nhập khác	1.975.603.219	1.213.281.808
	<hr/>	<hr/>
	45.463.588.642	7.578.858.471
	<hr/>	<hr/>

33. Chi phí khác

	2013	2012
	VND	VND
Chi phí khấu hao nhà cho thuê	784.009.615	1.481.824.683
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	32.785.403.560	137.860.875
Giá vốn của vật tư thanh lý	1.003.157.498	303.624.214
Giá vốn của mía giống đã bán	751.082.702	848.875.431
Phạt vi phạm hành chính	49.150.079	158.604.394
Chi phí khác	740.612.612	1.039.622.284
	<hr/>	<hr/>
	36.113.416.066	3.970.411.881
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2013 VND	2012 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành Năm hiện hành	21.357.784.387	16.115.590.436
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại Phát sinh các chênh lệch tạm thời	2.279.978.218	3.229.678.827
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	23.637.762.605	19.345.269.263

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	115.055.176.955	100.558.405.789
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn	28.763.794.239	25.139.601.447
Chi phí không được khấu trừ thuế	328.964.501	849.373.577
Thu nhập không chịu thuế	(5.454.996.135)	(3.006.006.383)
Ưu đãi thuế	-	(3.637.699.378)
	23.637.762.605	19.345.269.263

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% lợi nhuận chịu thuế.

Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 91.436.021.748 đồng (2012: 81.604.509.901 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 31.789.726 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 11.480.533), được tính như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	91.436.021.748	81.604.509.901
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	91.436.021.748	81.604.509.901

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2013 Số lượng cổ phiếu	2012 Số lượng cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	30.375.000	8.100.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành vào tháng 3 năm 2012	-	1.432.992
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành vào tháng 11 năm 2012	-	1.947.541
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành vào tháng 12 năm 2013	1.414.726	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	31.789.726	11.480.533

36. Các công cụ tài chính**(a) Quản lý rủi ro tài chính****(i) Tổng quan**

Các loại rủi ro tài chính mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường

Phần này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro trong các rủi ro trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để hạch toán và quản lý rủi ro.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban Kiểm soát của Tập đoàn chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản trả trước cho nông dân để trồng mía.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa của các tài sản tài chính này. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền (ii)	322.178.089.824	39.725.516.116
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (ii), (iii)	162.000.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác (iv)	17.875.418.149	7.770.266.538
Trả trước cho người bán (v)	204.726.192.070	177.563.759.367
	<hr/>	<hr/>
	706.779.700.043	225.059.542.021

(ii) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào các khoản tiền gửi có kỳ hạn ở ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào các khoản tiền gửi có kỳ hạn ở ngân hàng của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(iii) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào các khoản cho các công ty khác vay

Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn phân tích riêng biệt độ tin cậy của khả năng trả nợ. Việc trích lập dự phòng cho giảm giá trị được thực hiện khi Ban Tổng Giám đốc thấy cần thiết và theo yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tập đoàn tin rằng, không có khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn nào cần thiết phải lập cho các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn này.

(iv) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hơn nữa, khách hàng được yêu cầu phải ứng tiền trước khi thực hiện yêu cầu mua hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 7 hoặc 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 7 hoặc 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua hàng trả chậm.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Tập đoàn tin rằng, ngoài dự phòng đã được lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Bảng phân tích tuổi nợ cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong hạn	17.869.321.963	7.770.266.538
Quá hạn trên 180 ngày	6.096.186	-
	<hr/>	<hr/>
	17.875.418.149	7.770.266.538

(v) Trả trước cho người bán

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản trả trước cho nông dân trồng mía chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng người nông dân. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách trả trước mà theo đó mỗi yêu cầu hỗ trợ tài chính từ người nông dân được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng thu hồi trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện đầu tư và thu hồi vốn chuẩn cho người nông dân đó. Các khoản trả trước cho mỗi người bán của Công ty có giá trị lớn hơn 300 triệu được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của người bán. Hơn nữa, người nông dân được yêu cầu phải bán tất cả mía của họ cho Tập đoàn và khoản này sẽ được cần trừ vào khoản trả trước tương ứng. Khoản trả trước được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Tập đoàn. Người nông dân có số dư trả trước quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục nhận khoản đầu tư mới.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN**

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Tập đoàn tin rằng, ngoài dự phòng đã được lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho các khoản trả trước chưa quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản trả trước như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Trong hạn	202.203.705.083	177.095.973.858
Quá hạn trên 180 ngày	2.522.486.987	467.785.509
	<hr/>	<hr/>
	204.726.192.070	177.563.759.367

Biến động trong năm của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	326.198.329	326.198.329
Tăng do mua lại công ty con	1.141.538.734	-
Tăng dự phòng trong năm	152.104.299	-
Hoàn nhập	(196.917.026)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.422.924.336	326.198.329

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh toán để thanh toán các khoản phải tra khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	592.501.066.511	601.786.682.684	601.786.682.684	-	-	-
Phải trả người bán	84.390.146.885	84.390.146.885	84.390.146.885	-	-	-
Phải trả người lao động	10.587.928.292	10.587.928.292	10.587.928.292	-	-	-
Chi phí phải trả	1.142.168.071	1.142.168.071	1.142.168.071	-	-	-
Phải trả khác	5.269.860.728	5.269.860.728	5.269.860.728	-	-	-
Vay và nợ dài hạn						
Vay và nợ dài hạn	222.735.603.091	311.746.127.839	55.071.748.359	45.716.373.822	152.662.754.014	58.295.251.644
	916.626.773.578	1.014.922.914.499	758.248.535.019	45.716.373.822	152.662.754.014	58.295.251.644

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Giá trị ghi số VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	146.845.422.227	150.677.631.966	150.677.631.966	-	-	-
Phải trả người bán	28.426.238.603	28.426.238.603	28.426.238.603	-	-	-
Phải trả người lao động	5.677.452.197	5.677.452.197	5.677.452.197	-	-	-
Chi phí phải trả	12.803.447.016	12.803.447.016	12.803.447.016	-	-	-
Phải trả khác	2.661.085.288	2.661.085.288	2.661.085.288	-	-	-
Vay dài hạn						
Vay dài hạn	121.964.851.296	166.374.531.353	45.604.573.572	41.446.172.505	63.003.576.943	16.320.208.333
	318.378.496.627	366.620.386.423	245.850.428.642	41.446.172.505	63.003.576.943	16.320.208.333

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì các hạn mức tín dụng với các ngân hàng.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro hối đoái

Tập đoàn không có rủi ro hối đoái trọng yếu do chủ yếu các giao dịch của Tập đoàn được thực hiện bằng VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, 735 tỷ VND nợ phải trả của Tập đoàn chịu lãi suất thả nổi. Tập đoàn không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	305.100.000.000	31.590.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	162.000.000.000	-
Trả trước cho người bán	205.007.577.672	177.563.759.367
Vay ngắn hạn	(80.000.000.000)	-
	<hr/>	<hr/>
	592.107.577.672	209.153.759.367
	<hr/>	<hr/>
Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	17.078.089.824	8.135.516.116
Vay ngắn hạn	(512.501.066.511)	(146.845.422.227)
Vay và nợ dài hạn	(189.896.537.795)	(92.053.686.436)
Vay dài hạn đến hạn trả	(32.839.065.296)	(29.911.164.860)
	<hr/>	<hr/>
	(718.158.579.778)	(260.674.757.407)
	<hr/>	<hr/>

Việc tăng 100 điểm lãi suất cơ bản sẽ làm lợi nhuận thuần của Tập đoàn giảm đi 5,99 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 2,02 tỷ VND). Phân tích này dựa trên giả định rằng các biến số khác, đặc biệt là tỷ giá hối đoái không thay đổi.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:		
- Các khoản đầu tư ngắn hạn	162.000.000.000	-
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	322.178.089.824	39.725.516.116
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	17.875.418.149	8.096.464.867
- Trả trước cho người bán	204.726.192.070	177.563.759.367
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:		
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	109.101.234.798	104.317.994.798
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:		
- Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	89.660.007.613	41.229.685.619
- Các khoản nợ ngắn hạn khác	11.730.096.363	8.338.537.485
- Vay ngắn hạn	592.501.066.511	146.845.422.227
- Vay và nợ dài hạn	222.735.603.091	121.964.851.296

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, trả trước cho người bán, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay ngắn hạn và các khoản nợ ngắn hạn khác:

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính này xấp xỉ bằng giá trị hợp lý của chúng do thời gian đáo hạn ngắn hạn của các công cụ này.

Vay và nợ dài hạn

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính này theo yêu cầu của Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường năng động cho các công cụ tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường năng động. Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu

	Thuyết minh	31/12/2013	
		Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	(i)	1.401.234.798	1.458.100.000
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	(ii)	84.000.000.000	-
Công ty Cổ phần giao dịch hàng hóa Sơn Tín	(ii)	19.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng mía đường Thành Thành Công	(ii)	4.200.000.000	-
		109.101.234.798	

- (i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa được xác định theo giá tham chiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.
- (ii) Công ty Cổ phần Điện Gia Lai, Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín và Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công là các công ty chưa niêm yết. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo yêu cầu của Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường năng động cho các khoản đầu tư này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường năng động. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

37. Các giao dịch đầu tư phi tiền tệ

	2013 VND	2012 VND
Cổ tức công bố nhưng chưa nhận được	4.210.777.200	-

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2013 VND	2012 VND
Các cổ đông		
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	323.599.171.160	327.442.828.095
Mua tài sản cố định	1.082.312.967	-
Nhận tiền ứng trước mua hàng hóa	32.000.000.000	435.951.968.000
Trả tiền ứng trước mua hàng hóa	-	70.000.000.000
Vay	12.000.000.000	-
Trả nợ gốc vay	12.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	26.666.667	-
Chi phí lãi vay từ tạm ứng mua hàng hóa	717.692.455	5.565.793.386
Mua giải pháp kỹ thuật	-	513.876.085
Mua dịch vụ tư vấn	956.426.910	982.000.000
Tạm ứng cho dịch vụ tư vấn	441.884.000	-
Cổ tức phải trả	8.851.500.000	-
Lãi do thanh toán chậm	1.400.675.401	-
Cho vay ngắn hạn	142.000.000.000	-
Thu nhập lãi vay	1.021.263.890	-
Các công ty liên quan		
Công ty Cổ phần Mía Đường 333		
Ứng tiền mua cổ phiếu	-	11.318.600.000
Thu nhập cổ tức	4.210.777.200	4.177.360.000
Lãi ứng tiền mua cổ phiếu	209.135.267	1.633.004.463
Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai		
Thu nhập từ cổ tức	5.200.000.000	5.000.000.000
Mua vốn cổ phần	24.000.000.000	-
Thanh lý tài sản cố định hữu hình, nguyên vật liệu	600.000.000	-
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thù lao	8.359.520.866	6.322.066.953

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

39. Cam kết vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	104.145.212.545	182.214.239.600

40. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	757.762.029.408	716.941.459.597
Chi phí nhân công	50.920.784.545	37.481.092.525
Chi phí khấu hao và phân bổ	41.702.765.863	32.837.336.301
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.166.849.232	9.692.394.036
Chi phí khác	24.985.419.738	17.208.698.369

Người lập biểu



Ngô Thị Thu Trang

Kế toán trưởng



Võ Thị Thùy Tiên



Tổng Giám đốc

Trần Kim Dũng

Ngày 28 tháng 3 năm 2014